

Số: 19/2025/QĐST-HNGĐ

*YT, ngày 22 tháng 4 năm 2025*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Quách Thị K, sinh năm 1996; Địa chỉ: Xóm CN, xã BH, huyện YT, tỉnh HB.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Quách Thị K: Bà Bùi Thị T2, sinh năm 1985; Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hoà Bình.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Xóm CN, xã BH, huyện YT, tỉnh HB.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: NHCS xã hội Việt Nam – phòng giao dịch NHCS xã hội huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình, đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Đ, Giám đốc phòng giao dịch; Địa chỉ trụ sở: Khu phố YB, thị trấn HT, huyện YT, tỉnh HB.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2025.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Quách Thị K và anh Bùi Văn T.**

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Quách Thị K và anh Bùi Văn T thuận tình ly hôn.

**2.2. Về con chung:** Chị Quách Thị K, anh Bùi Văn T có 03 con chung tên là Bùi Thảo V, sinh ngày 21/11/2014, Bùi Ngọc T1, sinh ngày 29/10/2020, Bùi Quỳnh N, sinh ngày 02/11/2022. Chị Quách Thị K, anh Bùi Văn T thống nhất thỏa thuận giao cháu Bùi Thảo V, Bùi Quỳnh N cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Bùi Ngọc T1 cho chị Quách Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Quách Thị K, anh Bùi Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của người không trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

**2.3. Về tài sản, công nợ chung:**

**2.3.1. Về tài sản chung:** Không có, chị Quách Thị K, anh Bùi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.3.2. Về công nợ chung:** Nguyên đơn Quách Thị K, trợ giúp viên pháp lý bà Bùi Thị T2, bị đơn anh Bùi Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, giám đốc phòng giao dịch NHCS xã hội huyện YT tự nguyện thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận vào biên bản nội dung cụ thể:

- Anh Bùi Văn T có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho NHCS xã hội Việt Nam – phòng giao dịch NHCS xã hội huyện YT các mã món vay, cụ thể:

+ Trả mã vay thứ nhất là: 6600000720898696, vay ngày 23/6/2021, vay số tiền 50.000.000<sup>d</sup> (Năm mươi triệu đồng) + lãi phát sinh

+ Trả mã vay thứ hai là: 6600000722198995, vay ngày 23/02/2022, vay số tiền 20.000.000<sup>d</sup> (Hai mươi triệu đồng) + lãi phát sinh

+ Trả mã vay thứ ba là: 6600000725413396, vay ngày 13/4/2023, vay số tiền 50.000.000<sup>d</sup> (Năm mươi triệu đồng) + lãi phát sinh

Tổng cộng số tiền anh Bùi Văn T phải thanh toán trả cho NHCS xã hội Việt Nam – phòng giao dịch NHCS xã hội huyện YT là 120.000.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi triệu đồng) + lãi phát sinh.

Đại diện NHCS xã hội Việt Nam – phòng giao dịch NHCS xã hội huyện YT, bà Nguyễn Thị Đ, giám đốc phòng giao dịch đồng ý thu nợ từ anh Bùi Văn T.

**2.4. Về án phí:** Chị Quách Thị K thỏa thuận nhất trí nhận nộp 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001642 ngày 11/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YT, tỉnh HB. Chị Quách Thị K còn được hoàn trả lại 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được Tc hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện YT;
- Chi cục THADS huyện YT;
- UBND xã HT, huyện LT, tỉnh HB (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 05 quyền số 01 ngày 20/02/2014)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu AV.

**THẨM PHÁN**  
(Đã ký)

**Phan Thị Hà**